TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 56**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 5 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Kim Cúc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bạn

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Y Lương Byă – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXX –ST ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Như M – sinh năm 1973(có mặt)

Địa chỉ: L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Trần H – sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Như M trình bày: Bà và ông Trần H có tìm hiểu, chung

sống và đăng ký kết hôn vào ngày 11/10/2001 tại UBND phường C, thị xã CR, tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở tự nguyện. Ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Trong cuộc sống bà M và ông H thường xuyên cãi vã, chồng thường xuyên đánh đập, ông bà không thể hòa giải được với nhau. Nay, xét thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn và không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân. Vì vậy, bà M yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết cho bà và ông H được ly hôn với nhau.

Về con chung**:** Trong quá trình chung sống với nhau bà Trần Thị Như M và ông Trần H có 03 đứa con chung là cháu Trần Ngọc Minh T sinh ngày 17/5/2012, cháu Trần Thị Mỹ C sinh ngày 25/5/1999, cháu Trần Thanh B sinh ngày 23/01/1997. Hiện các cháu Trần Thị Mỹ C và Trần Thanh B đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu Trần Ngọc Minh T, bà M có nguyện vọng được nuôi cháu tới khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Bà Trần Thị Như M không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Như M không yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn ông Trần H: Tòa án đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Như M. Về quan hệ hôn nhân bà Trần Thị Như M được ly hôn với ông Trần H. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Minh T sinh ngày 17/5/2012 cho mẹ là bà Trần Thị Như M chăm sóc nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành. Các cháu Trần Thị Mỹ C sinh ngày 25/5/1999, cháu Trần Thanh B sinh ngày 23/01/1997 đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu. Về án phí: Bà Trần Thị Như M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Như M yêu cầu ly hôn với ông Trần H, địa chỉ tạm trú tại phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy

định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn ông Trần H đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Như M và ông Trần H tự nguyện tìm hiểu, đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 11/10/2001 tại UBND phường C, thị xã CR, tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở tự nguyện nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà Trần Thị Như M và ông Trần H chung sống với nhau một thời gian, sau đó mới đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, hai vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là giữa hai người bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, nơi bà Trần Thị Như M và ông Trần H chung sống. Đại diện chính quyền địa phương cho biết*:"Bà Trần Thị Như M và ông Trần H chung sống có đăng ký kết hôn, và hai vợ chồng có đăng ký tạm trú tại địa phương, trong thời gian chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, cuộc sống không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật"*.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, việc ông H không đến tham gia vào các buổi hòa giải và phiên xét xử của Tòa, đã thể hiện việc ông H không có ý định hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này, từ đó cho thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Thị Như M, cho bà Mây được ly hôn với ông Trần H.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau bà Trần Thị Như M và ông Trần H có 03 đứa con chung là cháu Trần Ngọc Minh T sinh ngày 17/5/2012, cháu Trần Thị Mỹ C sinh ngày 25/5/1999, cháu Trần Thanh B sinh ngày 23/01/1997. Hiện cháu Trần Ngọc Minh T ở với mẹ, nguyện vọng của bà M sau khi ly hôn là được nuôi cháu tới khi cháu đủ tuổi trưởng thành. Ý kiến của cháu Trần Ngọc Minh T là có nguyện vọng được sống với mẹ để mẹ chăm sóc cháu tốt hơn. Các cháu Trần Thị Mỹ C sinh ngày 25/5/1999, cháu Trần Thanh B sinh ngày 23/01/1997 đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Yêu cầu của bà M về việc được nuôi cháu T là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của con chung và đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2

Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Trần Ngọc Minh T, sinh ngày 17/5/2012 cho mẹ là bà Trần Thị Như M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ. Các cháu Trần Thị Mỹ C sinh ngày 25/5/1999, cháu Trần Thanh B sinh ngày 23/01/1997 đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Như M không yêu cầu ông Trần H cấp dưỡng, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Như M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định, bị đơn ông Trần H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Như M

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Như M được ly hôn với ông Trần H.

2. Về con chung:

Giao cháu Trần Ngọc Minh T, sinh ngày 17/5/2012 cho mẹ là bà Trần Thị Như M chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Các cháu Trần Thị Mỹ C sinh ngày 25/5/1999, cháu Trần Thanh B sinh ngày 23/01/1997, hiện các cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Ông Trần H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết .

4. Về án phí: Bà Trần Thị Như M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Trần Thị Như M đã nộp theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số:

AA/2017/0011671 ngày 04/01/2019 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. Buôn Ma Thuột;
- UBND phường E, Tp. Buôn Ma Thuột;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Cúc